

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

Để tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Nghị quyết số 99/NQ-CP ngày 30/8/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Chương trình hành động của Tỉnh ủy: Số 22-CTr/TU ngày 24/6/2021 thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025; số 23-CTr/TU ngày 24/6/2021 thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; số 36-CTr/TU ngày 15/10/2021 thực hiện Kết luận số 11-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương và các Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia, đầu tư công 5 năm 2021-2025; Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 01/12/2021 của Tỉnh ủy về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Chương trình hành động với các nội dung sau:

I. Tập trung triển khai linh hoạt, hiệu quả Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian TH-HT
Lĩnh vực Y tế			
1.	Xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị Trung tâm y tế huyện Lý Nhân	UBND huyện Lý Nhân	2022-2023
2.	Xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị Trung tâm y tế huyện Bình Lục	UBND huyện Bình Lục	2022-2023
3.	Xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị Trung tâm y tế huyện Thanh Liêm	UBND huyện Thanh Liêm	2022-2023
4.	Xây mới, nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Hà Nam	Sở Y tế	2022-2023
Lĩnh vực Giao thông vận tải			
5.	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ QL 1A giao với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình bằng nút giao Liêm Sơn đi qua	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	2022-2025

	huyện Bình Lục giao với đường QL 21 A, QL 21 B, đường nối cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Hà Nội - Ninh Bình; kết nối di tích quốc gia đặc biệt là đền Trần Thương (tỉnh Hà Nam) và Khu di tích lịch sử văn hóa Đền Trần (tỉnh Nam Định)		
Lĩnh vực Lao động, TB&XH			
6.	Dự án xây dựng, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị Trường Cao đẳng nghề Hà Nam	Sở Lao động, TB&XH	2022-2023
7.	Đề án cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 – 2025	Sở Lao động, TB&XH	2022-2025
8.	Đề án hỗ trợ vốn tín dụng chính sách mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà để ở trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 – 2025	Sở Xây dựng	2022-2025

II. Các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm trong Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 (tại báo cáo số 215/BC-UBND ngày 03/12/2021 của UBND tỉnh) và hàng năm, đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức mục tiêu và các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đến năm 2025	Bình quân 2021-2025
1	Tốc độ tăng trưởng	%		>10
	GRDP của tỉnh (giá ss 2010)	Tỷ đồng	61.056	
2	Cơ cấu kinh tế			
	- Nông nghiệp	%	6,3	
	- Công nghiệp, xây dựng	%	65,2	
	- Dịch vụ	%	28,5	
3	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	117	
4	Tốc độ tăng năng suất lao động	%		10,7
5	Thu NS tăng bình quân/năm	%		10,93
	- Thu NS hàng năm	Tỷ đồng	16.000	
	- Trong đó thu nội địa	Tỷ đồng	13.500	
6	Tỷ lệ tổng vốn đầu tư xã hội/GRDP	%		47

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đến năm 2025	Bình quân 2021-2025
7	Số lao động được giải quyết việc làm mới/năm	Người		25.000
8	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	75	
	<i>Tr.đó: qua đào tạo nghề có chứng chỉ bằng cấp</i>	%	60	
9	Tỷ lệ TE dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đến hết năm 2025	%	9	
	Tỷ lệ TE dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi đến hết năm 2025	%	19,3	
10	Số hộ nghèo giảm	%	60-65% so với năm 2020	
11	Số giường bệnh/ 1 vạn dân do tỉnh quản lý (không tính giường của trạm y tế xã)	Giường	30,0	
	Số bác sỹ/ 1 vạn dân do tỉnh quản lý	Bác sỹ	10,0	
12	Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội	%	45,0	
	Tỷ lệ dân số có bảo hiểm y tế	%	95,5	
13	Tỷ lệ đô thị hóa	%	47,5	
14	Tỷ lệ hộ dân được dùng nước sạch, nước hợp vệ sinh			
	Tỷ lệ hộ dân thành thị sử dụng nước sạch	%	98	
	Tỷ lệ hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch và nước hợp vệ sinh	%	100	
	<i>+ Trong đó: Sử dụng nước sạch được cấp từ các nhà máy cấp nước tập trung</i>	%	90	
15	Bảo vệ môi trường			
	- Tỷ lệ thu gom, xử lý rác thải			
	Tỷ lệ thu gom rác thải ở thành thị	%	100	
	<i>Trong đó: được xử lý</i>	%	100	
	Tỷ lệ thu gom rác thải ở nông thôn	%	98	
	<i>Trong đó: được xử lý</i>	%	95-98	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đến năm 2025	Bình quân 2021-2025
	- Tỷ lệ các cụm công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung	%	100	
16	Xây dựng nông thôn mới			
	Số huyện, số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu đến năm 2025		01 huyện và 35 xã	
17	Cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh			
	Chỉ số PCI	Thứ	<=20	
	Chỉ số PAPI	Thứ	<=20	
	Chỉ số PAR-index	Thứ	<=20	

III. Tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả các Chương trình, Đề án trọng tâm thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; tiếp tục thực hiện một số Đề án trọng tâm trong giai đoạn 2016-2020 trên cơ sở điều chỉnh, bổ sung

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian TH-HT	Ghi chú
Lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn				
1.	Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động các hợp tác xã nông nghiệp tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030	Sở NN&PTNT	2021-2025	
2.	Kế hoạch hỗ trợ mở rộng diện tích cấy máy giai đoạn 2022 - 2025 tại tỉnh	Sở NN&PTNT	2022-2025	
3.	Đề án phát triển dịch vụ mạ khay, máy cấy tỉnh Hà Nam giai đoạn 2020-2023	Sở NN&PTNT	2020-2023	
4.	Đề án xây dựng mô hình sản xuất cây ăn quả an toàn vùng chuyển đổi đất lúa tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025	Sở NN&PTNT	2021-2025	
5.	Đề án Chuyển đổi cây trồng, vật nuôi và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2022-2025	Sở NN&PTNT	2022-2025	
6.	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025	Sở NN&PTNT	2021-2025	
7.	Kế hoạch triển khai Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án "trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025" trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở NN&PTNT	2021-2025	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian TH-HT	Ghi chú
8.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết 15-NQ/TU của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Sở NN&PTNT	2021-2025	
9.	Kế hoạch thực hiện Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm - OCOP” tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025	Sở NN&PTNT	2021-2025	
Lĩnh vực công nghiệp – Thương mại				
10.	Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Sở Công Thương	2021-2025	
11.	Phương án phát triển cụm công nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Công Thương	2021-2030	
12.	Đề án Quy hoạch các Khu công nghiệp tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025	Ban quản lý các KCN tỉnh	2021-2025	
13.	Đề án nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ các khu công nghiệp giai đoạn 2021-2025	Ban Quản lý các KCN tỉnh	2021-2025	
14.	Nhân rộng mô hình chợ đảm bảo an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Công Thương	2021-2025	
15.	Kết nối cung cầu hàng hóa tỉnh Hà Nam	Sở Công Thương	Hàng năm	
16.	Kế hoạch tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày quyền của người tiêu dùng Việt Nam trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	Hàng năm	
17.	Kế hoạch triển khai thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021-2030”	Sở Công Thương	2022-2030	
18.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU, ngày 15/9/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh phát triển thương mại - dịch vụ, trọng tâm là du lịch và logistics tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2021 - 2025	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian TH-HT	Ghi chú
19.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TU, ngày 15/9/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh phát triển công nghiệp, trọng tâm là công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, chế biến, chế tạo và dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Công Thương	2021 - 2025	
Lĩnh vực Thông tin và Truyền thông				
20.	Đề án chuyển đổi số tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Thông tin và Truyền thông	2022-2025	
21.	Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước ngành thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Thông tin và Truyền thông	2022	
22.	Kế hoạch công tác thông tin đối ngoại tỉnh Hà Nam	Sở Thông tin và Truyền thông	2022	
Lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư				
23.	Xây dựng Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2021-2022	
24.	Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, thu hút doanh nghiệp công nghệ cao đóng góp ngân sách lớn	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2022-2025	
25.	Đề án phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thu hút nhân tài tỉnh Hà Nam giai đoạn 2022-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2022-2025	
26.	Kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2021-2025	
27.	Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2021-2025	
28.	Triển khai thực hiện Chương trình hành động cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2021-2025	
29.	Kế hoạch tổ chức triển khai Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2022-2030	
Lĩnh vực tài chính ngân sách				
30.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 09/7/2021 của BTV Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng	Sở Tài chính	2021-2025	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian TH-HT	Ghi chú
	đối với công tác quản lý thu, chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025			
31.	Dự toán ngân sách tỉnh Hà Nam và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh hàng năm	Sở Tài Chính	Hàng năm	Trình tại kỳ họp HĐND tỉnh
32.	Phê chuẩn tổng quyết toán thu - chi NS tỉnh Hà Nam hàng năm	Sở Tài chính	Hàng năm	
Lĩnh vực Văn hóa – Thể thao và Du lịch				
33.	Chương trình bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025	Sở Văn hóa TT&DL	2021-2025	
34.	Hướng dẫn thực hiện các tiêu chí về văn minh đô thị, công nhận đô thị văn minh	Sở Văn hóa TT&DL	2022	
35.	Nghị quyết về đặt tên đường, phố trên địa bàn thị trấn Kiện Khê và thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm	Sở Văn hóa TT&DL	2022	
36.	Chuẩn bị các điều kiện tổ chức SEA Games 31 tại Hà Nam	Sở Văn hóa TT&DL	2022	
Lĩnh vực Tài nguyên Môi trường				
37.	Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hà Nam	Sở Tài nguyên và Môi trường	2021-2025	
38.	Danh mục các dự án thu hồi đất, danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất dưới 10 ha đất trồng lúa, dự án chuyển mục đích sử dụng dưới 20 ha đất rừng phòng hộ, dự án chấp thuận chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Tài nguyên và Môi trường	2021-2025	Trình tại các kỳ họp HĐND tỉnh
39.	Phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022	
40.	Quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022	
41.	Kế hoạch định giá đất cụ thể năm 2022 đối với các dự án có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022	
42.	Đo đạc lại, cấp mới, cấp đổi GCNQSDĐ khu dân cư đối với 11 xã chưa có bản đồ đo bằng công nghệ số thuộc thành phố Phủ	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022- 2023	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian TH-HT	Ghi chú
43.	Đo đạc lại, cấp GCNQSDĐ khu ngoài đồng đối với 31 xã thực hiện dồn đổi ruộng đất nông nghiệp còn lại trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	2021-2022	
44.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 10/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác quản lý, sử dụng đất đai, khoáng sản giai đoạn 2021 - 2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	2021-2025	
45.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 09/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác giải phóng mặt bằng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025	Sở Tài nguyên và Môi trường	2021-2025	
46.	Kế hoạch thực hiện Chương trình số 28-CTr/TU, ngày 30/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về xử lý ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2025, trọng tâm là khu vực phía Tây sông Đáy và sông Nhuệ	Sở Tài nguyên và Môi trường	2021-2025	
Lĩnh vực Lao động - Xã hội				
47.	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025	Sở LĐ-TB&XH	2021-2025	
48.	Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về tăng cường giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống xâm hại trẻ em trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở LĐ-TB&XH	2022	
49.	Đề án đầu tư, xây dựng Trường Cao đẳng nghề Hà Nam thành Trường Cao đẳng chất lượng cao đến năm 2025	Sở LĐ-TB&XH	2022-2025	
50.	Đề án phát triển quan hệ lao động hài hòa giai đoạn 2022-2025	Sở LĐ-TB&XH	2022-2025	
Lĩnh vực Phát triển đô thị, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ				
51.	Đề án xây dựng đô thị tăng trưởng xanh, thông minh	UBND thành phố Phủ Lý	2022	
52.	Điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Phủ Lý	UBND thành phố Phủ Lý	2022	
53.	Đề án phát triển hệ thống công viên xanh, không gian công cộng trên địa bàn thành phố Phủ Lý	UBND thành phố Phủ Lý	2022	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian TH-HT	Ghi chú
54.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TU, ngày 10/9/2021 về xây dựng và phát triển đô thị Phủ Lý đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	UBND thành phố Phủ Lý	2021-2025	
55.	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Bình Mỹ; điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Chợ Sông	UBND huyện Bình Lục	2022	
56.	Chương trình phát triển đô thị Duy Tiên đến năm 2030	UBND thị xã Duy Tiên	2022-2030	
57.	Kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị trên địa bàn thị xã Duy Tiên	UBND thị xã Duy Tiên	2022	
58.	Đề án phát triển hệ thống công viên xanh, không gian công cộng trên địa bàn thị xã Duy Tiên	UBND thị xã Duy Tiên	2022	
59.	Chương trình phát triển đô thị Kim Bảng đến năm 2030	UBND huyện Kim Bảng	2022-2030	
60.	Kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị Thái Hà	UBND huyện Lý Nhân	2022	
61.	Kế hoạch thực hiện khu vực phát triển đô thị trên địa bàn huyện Thanh Liêm	UBND huyện Thanh Liêm	2022	
62.	Chương trình phát triển đô thị tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở Xây dựng	2022-2030	
63.	Đề án chiến lược phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, định hướng đến năm 2050	Sở Xây dựng	2022-2030	
64.	Đề án xây dựng Hệ thống thông tin về Nhà ở và thị trường bất động sản tỉnh Hà Nam	Sở Xây dựng	2022	
65.	Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu Quy hoạch đô thị tỉnh Hà Nam	Sở Xây dựng	2022	
66.	Hoàn thành quy hoạch phân khu chức năng Khu du lịch Tam Chúc	Sở Xây dựng	2022	
67.	Kế hoạch trồng cây xanh đô thị giai đoạn 2022-2025	Sở Xây dựng	2022-2025	
68.	Kế hoạch phát triển nhà ở tỉnh Hà Nam giai đoạn 2022-2026	Sở Xây dựng	2022	
69.	Kế hoạch phát triển nhà ở hàng năm	Sở Xây dựng	Định kỳ hàng năm	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian TH-HT	Ghi chú
70.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 16-NQ/TU, ngày 15/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Xây dựng	2021-2025	
71.	Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch Khu đại học Nam Cao theo định hướng duy trì diện tích quy hoạch thu hút phát triển các cơ sở giáo dục đào tạo theo Đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, điều chỉnh mở rộng phát triển hình thành Khu đô thị tri thức và làng đại học	Ban QL Khu ĐH Nam Cao	2022	
Lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo				
72.	Đề án Phát triển các trường học phục vụ con em người lao động các khu công nghiệp, khu công nghệ cao trên địa bàn tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	2022	
73.	Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Giáo dục và Đào tạo	2022	
74.	Quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông công lập của tỉnh Hà Nam năm học 2022-2023	Sở Giáo dục và Đào tạo	2022-2023	
Lĩnh vực Khoa học Công nghệ				
75.	Quyết định ban hành Quy định việc áp dụng, duy trì, cải tiến và hoạt động kiểm tra việc áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Khoa học và Công nghệ	2022	
76.	Chương trình phát triển tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh Hà Nam đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	2022-2030	
77.	Kế hoạch Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh Hà Nam đến năm 2025, định hướng năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ	2022-2025	
78.	Đề án thành lập Khu công nghệ cao	Ban Quản lý khu Đại học Nam Cao	Hoàn thành trước năm 2025	
Lĩnh vực Nội vụ				
79.	Kế hoạch phát triển thanh niên tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021 - 2030	Sở Nội vụ	2022-2030	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian TH-HT	Ghi chú
80.	Chỉ tiêu biên chế công chức trong các cơ quan hành chính nhà nước; số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập và các Hội có tính chất đặc thù hàng năm	Sở Nội vụ	Định kỳ hàng năm	
81.	Kế hoạch cán bộ làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở Nội vụ	Định kỳ hàng năm	
82.	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	Sở Nội vụ	Định kỳ hàng năm	
83.	Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Nội vụ	Định kỳ hàng năm	
84.	Kế hoạch biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính	Sở Nội vụ	Định kỳ hàng năm	
85.	Kế hoạch đo lường sự hài lòng của tổ chức, cá nhân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh	Sở Nội vụ	Định kỳ hàng năm	
86.	Kế hoạch triển khai đánh giá, xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố	Sở Nội vụ	Hàng năm	
87.	Kế hoạch cải cách hành chính	Sở Nội vụ	Định kỳ hàng năm	
88.	Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU, ngày 15/9/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là hiện đại hóa nền hành chính, hướng đến xây dựng chính quyền số, cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng, trách nhiệm cán bộ, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu cơ quan, đơn vị, gắn với tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính giai đoạn 2021 – 2025	Sở Nội vụ	2021-2025	
Lĩnh vực khác				
89.	Kế hoạch Tổ chức Đoàn xúc tiến đầu tư tại Hàn Quốc, Đài Loan, Nhật Bản	Ban Quản lý các KCN tỉnh	Hàng năm	Theo điều kiện cụ thể
90.	Chỉ đạo công tác tuyển chọn thanh niên nhập ngũ	Bộ CHQS tỉnh	Hàng năm	
91.	Chỉ thị về công tác quốc phòng địa phương	Bộ CHQS tỉnh	Hàng năm	

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì	Thời gian TH-HT	Ghi chú
92.	Chỉ thị về nhiệm vụ an ninh trật tự	Công an tỉnh	Hàng năm	
93.	Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới	Công an tỉnh	2022	

IV. Ban hành, sửa đổi, bổ sung các cơ chế, chính sách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian TH-HT
Lĩnh vực Nông nghiệp nông thôn			
1.	Quy định chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở NN&PTNT	2022-2025
2.	Quy định về đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất	Sở NN&PTNT	Định kỳ hàng năm
Lĩnh vực Tài nguyên Môi trường			
3.	Tờ trình ban hành Nghị quyết về một số chính sách, biện pháp đặc thù trong đầu tư xây dựng trước hạ tầng khu đất tái định cư nhằm phục vụ việc GPMB để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022-2025
4.	Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022
5.	Ban hành quy định về giao đất, cho thuê đất đối với các thửa đất nhỏ hẹp theo quy định tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022
6.	Quy định bộ tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư làm căn cứ để đánh giá thi đua, khen thưởng trong lĩnh vực giải phóng mặt bằng	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022
7.	Quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam thay thế quy định về quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Quyết định số 11/2017/QĐ-UBND ngày 30/3/2017 của UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022
8.	Quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam thay thế quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hà Nam ban hành kèm theo Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian TH-HT
9.	Sửa đổi quyết định số 38/2014/QĐ-UBND ngày 15/5/2014 quy định một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	2022
Lĩnh vực Tài chính			
10.	Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định mức phân bổ nguồn kinh phí ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương từ nguồn kinh phí xử phạt vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông để thực hiện các nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính	2022
11.	Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định cơ chế đặc thù về điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất từ các vị trí đấu giá quyền sử dụng đất cho ngân sách huyện Thanh Liêm để tạo nguồn vốn thực hiện Đề án xây dựng Trung tâm hành chính huyện Thanh Liêm đến năm 2025	Sở Tài chính	2022
12.	Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định cơ chế đặc thù về điều tiết nguồn thu tiền sử dụng đất (từ các dự án có thu tiền sử dụng đất) cho ngân sách cấp tỉnh để tạo nguồn vốn đầu tư các công trình, dự án trọng điểm tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Tài chính	2022
Lĩnh vực Đầu tư xây dựng			
13.	Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Hà Nam giai đoạn 2021-2030	Sở Xây dựng	2021-2030
14.	Ban hành đơn giá bồi thường nhà, vật kiến trúc và di chuyển mồ mả khi nhà nước thu hồi đất	Sở Xây dựng	Định kỳ hàng năm
15.	Quyết định ban hành Quy định tiêu chí thu hút dự án đầu tư vào tỉnh Hà Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2022
16.	Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ phát triển nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2022
17.	Quy định về điều kiện, tiêu chí, quy mô, tỷ lệ để tách thành dự án độc lập theo quy định tại khoản 13 Điều 3 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2022
18.	Chủ trương đầu tư các dự án thuộc danh mục dự án khuyến khích đầu tư vào địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2022
19.	Quy định cơ chế khuyến khích, thu hút đầu tư trong lĩnh vực chỉnh trang, phát triển đô thị, bảo vệ môi trường đô thị (công trình xử lý nước thải, nghĩa trang đô thị)	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2022
20.	Xác định chỉ tiêu thuộc nỗ lực phù hợp trong khai thác đá làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Công Thương	2022

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian TH-HT
Lĩnh vực Giáo dục			
21.	Quy chế thu, sử dụng các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Giáo dục và Đào tạo	2022
22.	Quyết định thay thế Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 22/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc ban hành Quy định mức khen thưởng đối với giáo viên và học sinh đạt giải trong các kỳ thi	Sở Giáo dục và Đào tạo	2022
23.	Quyết định thay thế Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 05/11/2012 của ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định chế độ khuyến khích học tập đối với học sinh trong trường trung học phổ thông chuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo	2022
Lĩnh vực Y tế			
24.	Tham mưu sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 41/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh về mức giá các dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc phạm vi thanh toán của Quỹ bảo hiểm y tế trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc địa phương quản lý trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Y tế	2022
25.	Tờ trình ban hành Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ chi phí xét nghiệm SARS-CoV-2 trong phòng chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Y tế	2022
Lĩnh vực Nội vụ			
26.	Quyết định sửa đổi Quyết định 03/2019/QĐ-UBND ngày 21/3/2019 và Quyết định 37/2013/QĐ-UBND ngày 01/8/2013 của UBND tỉnh Hà Nam về Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Nội vụ	2022
27.	Sửa đổi Quyết định số 06/2018/QĐ-UBND ngày 30/3/2018 của UBND tỉnh quy định về quản lý hoạt động tôn giáo, tín ngưỡng trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Nội vụ	2022
28.	Ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	2022
Lĩnh vực khác			
29.	Quy định diện tích nhà ở tối thiểu để đăng ký thường trú tại chỗ ở hợp pháp do thuê, mượn, ở nhờ trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Xây dựng	2022

TT	Nội dung	Cơ quan chủ trì soạn thảo	Thời gian TH-HT
30.	Quy định chính sách hỗ trợ hộ nghèo có thành viên thuộc chính sách ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Lao động, TB&XH	2022
31.	Sửa đổi, bổ sung quyết định số 38/2018/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 ban hành quy chế quản lý, sử dụng chứng thư số, chữ ký số chuyên dùng trong các cơ quan nhà nước tỉnh Hà Nam	Sở Thông tin và Truyền thông	2022
32.	Quy chế quản lý kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ và quy định mức chi cụ thể các hoạt động phát triển công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Hà Nam	Sở Công Thương	2022

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tập trung thực hiện tốt các nội dung của Chương trình hành động đã đề ra, góp phần thực hiện thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của Quốc gia, của Tỉnh.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu thấy cần sửa đổi, bổ sung những nội dung cụ thể thuộc Chương trình hành động này; các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã chủ động đề xuất, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

Nơi nhận:

- TTTU, TTHĐND tỉnh (để b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, Ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- VPUB: LĐVP, các CV;
- Lưu: VT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trương Quốc Huy